

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2021/HS-PT

Ngày: 14/4/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Đông;

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Tự Học;

Ông Hồ Đình Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 723/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Ngô Huyền T, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- Bị cáo bị kháng cáo:**

**Ngô Huyền T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04/9/1992 tại huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi ĐKKHKT: Tổ 2, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Kế toán Công ty TNHH MTV khoa học kỹ thuật Oppo ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Xuân T và bà Hán Thị Th; có chồng là Đặng Minh D và có 03 con (con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh tháng 3/2019); tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Lê Trường Sơn – Công ty luật hợp danh Thủy Vỹ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

**- Các bị hại có kháng cáo:**

1. Anh Phùng Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 050 đường Lê Văn H, tổ 6, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Lê Mạnh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 2, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lê Mạnh T:** Luật

sư Phạm Xuân Nga - Công ty luật hợp danh Đông Nam Á, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đặng Minh D, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 2, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 người bị hại; 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nợ tiền của nhiều người và không có khả năng thanh toán nên ngày 29/10/2018 Ngô Huyền T nảy sinh ý định làm giả giấy tờ để đem đi thế chấp vay tiền. T đã vào mạng Internet tìm kiếm thông tin để thuê người làm giả giấy tờ. Sau khi tìm được, T nhắn tin liên lạc qua Zalo với một đối tượng nam giới có tên trên Zalo là “*Gió Đông*” (người này giới thiệu là Nam, nhà ở thành phố Hồ Chí Minh, không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể). T đã thuê Nam làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là “bìa đỏ”), Giấy đăng ký xe ô tô với giá 18.000.000đ/ 01 bìa đỏ; 6.000.000đ/01 giấy đăng ký xe ô tô. Sau đó, T chụp ảnh bìa đỏ ở địa chỉ số 084, đường Mạc Đăng Dung, phường Bắc Cường, thành phố L và giấy đăng ký xe ô tô Honda CRV BKS: 24A – xx.xxx; xe Hyundai Santafe BKS: 24A – xxx.xx đứng tên T và chồng là Đặng Minh D rồi gửi qua mạng xã hội Zalo, chuyển tiền vào số tài khoản 19032588686019 theo chỉ định của Nam để yêu cầu làm giả 07 bìa đỏ, 02 đăng ký xe ô tô BKS 24A – 119.91, 01 đăng ký xe ô tô BKS 24A – 119.05. Quá trình điều tra xác định trong thời gian từ cuối năm 2017 đến tháng 3/2019 T đã thực hiện 06 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

**\* Vụ thứ nhất: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Phùng Văn H, trú tại tổ 17, phường D (nay là tổ 6, phường C), thành phố L.**

Năm 2015, T làm ở cửa hàng điện thoại Bắc Đô cùng vợ của Phùng Văn H nên quen biết H. Tối ngày 10/01/2019, T gọi điện cho H hỏi vay 800.000.000đ (*tám trăm triệu đồng*), do số tiền lớn nên H yêu cầu T phải có tài sản thế chấp mới cho vay. Ngày hôm sau, T cầm 01 bìa đỏ giả (trong số 7 bìa đỏ T đã thuê làm giả) đến nhà H ở số 050 đường Lê Văn H, phường D, thành phố L để thế chấp vay 800.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng. Do tin tưởng bìa đỏ trên là thật nên sau khi T viết, ký giấy vay tiền, H đã đưa trước cho T 100.000.000đ tiền mặt rồi cùng T đến cửa hàng thế giới di động ở phường Phố Mới gặp chồng T là Đặng Minh D để ký giấy vay tiền. Chiều cùng ngày H chuyển 700.000.000đ còn lại vào tài khoản cho T. Số tiền này T dùng trả tiền lãi cho những người mà T vay

trước đó và mua lô hàng điện thoại di động trả cho anh Lê Mạnh T ở phường K, thành phố L và anh Nguyễn Trọng H1 ở xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 03/02/2019, T hỏi vay H thêm 500.000.000đ, thời hạn 15 ngày, H yêu cầu T thế chấp xe ô tô và T đồng ý. Sau đó T in sẵn một giấy vay tiền và điền thông tin vào giấy vay rồi đưa cho chồng là Đặng Minh D ký. Sau khi D ký xong, T đi xe ô tô cầm theo Giấy đăng ký xe ô tô giả, biển số 24A-xxx.xx(trong số 02 giấy đăng ký xe ô tô T đã thuê làm giả) cùng giấy vay tiền đến gặp H để thế chấp vay 500.000.000đ. Do tin tưởng đăng ký xe ô tô trên là thật nên H đã cho T vay 500.000.000đ và chỉ giữ đăng ký xe còn cho T mượn lại xe để đi. Số tiền này T dùng đặt mua điện thoại để trả hàng cho anh Tín. Ngày 18/02/2019, H gọi điện đòi tiền, T bảo do làm ăn khó khăn nên xin khát trả nợ dần. Sau đó, T chuyển khoản trả cho H nhiều lần với tổng số tiền 250.000.000đ của khoản vay 500.000.000đ. Tổng số tiền T chiếm đoạt của Phùng Văn H là 1.050.000.000đ. Tại cơ quan điều tra, anh Phùng Văn H không yêu cầu T phải H1 trả số tiền này. Tại phiên tòa anh H yêu cầu Ngô Huyền T và Đặng Minh D phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh số tiền 1.050.000.000đ.

Về lãi suất cho vay: Quá trình điều tra T khai khoản vay 800.000.000đ ngày 11/01/2019 H tính lãi 10.000đ/triệu/ngày; khoản vay 500.000.000đ ngày 03/02/2019 H tính lãi 8.000đ/triệu/ngày, T đã nhiều lần chuyển tiền lãi cho H nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Tại phiên tòa Ngô Huyền T khai do nhớ nhầm nên đã khai như ở trên, thực tế Phùng Văn H chỉ cho T vay với lãi suất 1.000đ/triệu/ngày.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 863945 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/3/2018 cho Đặng Minh D và Ngô Huyền T, địa chỉ: Tổ 2, phường K, thành phố L; Sổ vào sổ cấp GCN: CS 03743 - Tài liệu được ký hiệu A1.

- 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027873 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 16/01/2019 cho chủ xe Đặng Minh D, địa chỉ: Tổ 2, phường K, thành phố L, xe ô tô nhãn hiệu Honda - CRV, biển số: 24A - xxx.xx- Tài liệu được ký hiệu A6.

- 01 Giấy vay tiền mặt viết theo mẫu in sẵn (không ghi ngày, tháng, năm), thể hiện nội dung Ngô Huyền T vay 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*) của Phùng Văn H - Tài liệu được ký hiệu A10.

- 01 Giấy vay tiền mặt viết theo mẫu in sẵn trên giấy trắng khổ giấy A4 ghi ngày 03/02/2019, thể hiện nội dung Ngô Huyền T và Đặng Minh D vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) của Phùng Văn H - Tài liệu ký hiệu A11.

*Kết quả giám định:*

- Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A1) là giả.

- Phôi Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (tài liệu ký hiệu A6) là giả.

- Hình dấu tròn của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên tài liệu ký hiệu A1 với hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không có cùng nội dung. Hình dấu tròn trên tài liệu ký hiệu A1 không được đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu mang tên Phạm Văn H trên tài liệu ký hiệu A1 không phải là dấu đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ viết mang dấu tên Phạm Văn H dưới mục “SỞ TÀI NGUYÊN... GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH LÀO CAI” trên tài liệu ký hiệu A1 là chữ ký trực tiếp. Chữ ký trên tài liệu ký hiệu A1 với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Minh D trên các tài liệu ký hiệu A10, A11 với chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Minh D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T trên các tài liệu ký hiệu A10, A11 với chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M7 do cùng một người ký và viết ra.

**\* Vụ thứ 2: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Hữu H, trú tại tổ 8, phường Phố Mới, thành phố L.**

Từ năm 2016 đến cuối năm 2018, Ngô Huyền T vay của Nguyễn Hữu H nhiều lần với tổng số tiền 655.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng*), lãi suất là 1%/1 tháng.

Khoảng đầu năm 2019, do có nhu cầu mở cửa hàng kinh doanh điện thoại di động và biết T đang làm tại Công ty Oppo nên H đã hỏi T về nguồn nhập hàng điện thoại di động. Lúc này T đang bị rất nhiều người đòi nợ mà không có khả năng thanh toán nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền H đặt cọc mua hàng để trả nợ, nếu H đòi lại tiền đặt cọc thì T sẽ đưa cho H bìa đồ giả làm tài sản bảo đảm. Do đó T nói với H, T có nguồn nhập điện thoại di động giá rẻ hơn thị trường từ 15-20%, nếu H muốn mua thì phải đặt cọc trước 50 - 60% giá trị lô hàng, sau khoảng từ 7-10 ngày sẽ nhận được hàng, H đã đồng ý.

Ngày 01/3/2019 và 04/3/2019, H đặt mua của T 2 lô điện thoại di động, để cho H tin tưởng T bù thêm 50% giá trị lô hàng và thêm một phần tiền để nhập số lượng điện thoại di động theo đơn bằng với giá thị trường tại một số cửa hàng (T không nhớ cụ thể) và giao đủ hàng như đã thỏa thuận. Do tin tưởng T làm ăn đàng hoàng, đúng hẹn, ngày 06/3/2019 H tiếp tục gọi điện đặt mua của T 01 lô điện thoại di động gồm: 100 máy Samsung M20, giá 3.350.000đ/1máy; 300 máy

Samsung J6 32GB, giá 2.900.000đ/1 máy; 200 máy Samsung J6 64 Gb, giá 3.100.000đ/1 máy; 200 máy Samsung J2 Core, giá 1.440.000đ/1 máy; 100 máy Redmi 6A, giá 1.560.000đ/1 máy, tổng giá trị lô hàng là 2.269.000.000đ. H đặt cọc trước 1.134.500.000đ, T viết giấy nhận tiền và hẹn ngày 13/3/2019 sẽ giao đủ hàng cho H. Tuy nhiên sau khi nhận tiền đặt cọc của H, T không đặt mua hàng để trả cho H mà dùng số tiền này để trả nợ cho người khác. Đến hạn giao hàng, T viện ra các lý do như hết mẫu hàng, hàng đang được vận chuyển lên Lào Cai nhằm mục đích kéo dài thời gian và chờ H tiếp tục đưa tiền đặt cọc để chiếm đoạt.

Ngày 09/3/2019 H đặt mua của T 02 lô điện thoại di động, trong đó lô thứ nhất gồm 400 máy Samsung J4 Core, giá 1.650.000đ/1 máy, tổng giá trị của lô hàng là 660.000.000đ, H đặt cọc trước 50% là 330.000.000đ. Để H tin tưởng và tiếp tục chuyển tiền đặt cọc, cũng với thủ đoạn nêu trên T đã chuyển trả cho H 300 máy nên H đã chuyển thêm cho T 165.000.000đ để thanh toán 300 máy Samsung J4 Core này. Lô thứ hai H đặt mua gồm: 10 máy Iphone X 64Gb, giá 14.000.000đ/1 máy; 05 máy Iphone X Max 64 Gb, giá 21.000.000đ/1 máy; 30 máy Iphone 6S Plus 32Gb, giá 5.000.000đ/1 máy; 10 máy Iphone 7 Plus 32 Gb, giá 9.000.000đ/1 máy; 10 máy Iphone 7 32 Gb, giá 6.500.000đ/1 máy, tổng giá trị của lô hàng này là 550.000.000đ. H đặt cọc trước 275.000.000đ, T hẹn đến ngày 14/3/2019 sẽ giao hàng. Tuy nhiên sau khi nhận tiền đặt cọc, T cũng không đặt mua hàng để trả cho H mà sử dụng để trả nợ cho nhiều người khác. Đến thời hạn giao hàng, T tiếp tục viện ra các lý do như hết mẫu hàng, hàng đang được vận chuyển lên Lào Cai để kéo dài thời gian thanh toán.

Ngày 12/3/2019 H tiếp tục đặt mua của T một lô điện thoại di động gồm: 420 máy Redmi 6A, giá 1.580.000đ/1 máy; 100 máy Iphone 6S Plus, giá 4.850.000đ/1 máy, tổng giá trị của lô hàng là 1.148.600.000đ, H đặt cọc trước 600.000.000đ, thỏa thuận ngày 14/3/2019 T trả đủ hàng cho H. Khoảng 3 - 4 ngày sau, T trả cho H 420 máy Redmi 6A và H chuyển thêm cho T 200.000.000đ để lấy 100 máy Iphone. Số hàng còn lại này T chưa thanh toán nên còn nợ H 136.400.000 đồng.

Đến thời hạn nhưng không thấy T giao hàng, H yêu cầu T trả hàng hoặc phải trả lại tổng số tiền đã nhận đặt cọc mà chưa giao hàng là 1.545.900.000đ. Ngày 23/3/2019 T đã đưa cho H 01 bìa đồ giả tại địa chỉ số 084 đường Mạc Đăng Dung, phường Bắc Cường, thành phố L (trong số 7 bìa đồ T đã thuê làm giả) và thỏa thuận bán lại căn nhà này với giá 3.000.000.000đ cho H để khấu trừ số tiền T nợ đặt cọc của H. Do tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là thật nên H đã đồng ý mua để trừ nợ. Sau đó H viết giấy biên nhận đặt cọc và ghi số tiền đã đặt cọc là 2.500.000.000đ, thỏa thuận đến ngày 25/3/2019 nếu T không trả được tiền thì phải làm thủ tục chuyển nhượng nhà cho H.

Quá trình điều tra Nguyễn Hữu H yêu cầu Ngô Huyền T phải H1 trả lại số tiền 2.200.900.000đ (bao gồm: 655.000.000đ tiền T vay nợ và 1.545.900.000đ tiền T đã nhận đặt cọc) và đề nghị xử lý Ngô Huyền T theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Nguyễn Hữu H yêu cầu Ngô Huyền T phải H1 trả lại số tiền 1.545.900.000đ là tiền T đã chiếm đoạt của H. Số tiền 655.000.000đ là tiền H cho T vay từ trước H sẽ đòi sau.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 863945 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/3/2018 cho Đặng Minh D và Ngô Huyền T, địa chỉ: Tổ 2, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Số vào sổ cấp GCN: CS 03743 - Tài liệu được ký hiệu A4.

- 01 Giấy biên nhận tiền đặt cọc viết theo mẫu in sẵn trên giấy trắng khổ giấy A4 ghi ngày 23/3/2019, thể hiện nội dung Ngô Huyền T nhận tiền đặt cọc 2.500.000.000đ (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*) của Nguyễn Hữu H để bán nhà - Tài liệu được ký hiệu A18.

*Kết quả giám định:*

- Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A4) là giả.

- Hình dấu tròn của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên tài liệu ký hiệu A4 với hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không có cùng nội dung. Hình dấu tròn trên tài liệu ký hiệu A4 không được đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu mang tên Phạm Văn H trên tài liệu ký hiệu A4 không phải là dấu đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Phạm Văn H dưới mục “ SỞ TÀI NGUYÊN.... GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH LÀO CAI” trên tài liệu ký hiệu A4 là chữ ký trực tiếp. Chữ ký trên tài liệu ký hiệu A4 với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T trên tài liệu ký hiệu A18 (trừ chữ viết tại các dòng 4, 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 20, 21 tính từ trên xuống của tài liệu ký hiệu A18) với chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M7 do cùng một người ký và viết ra.

Đối với số tiền 655.000.000đ mà H cho T vay trước đó, T khai đã vay với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, H khai chỉ lấy lãi suất 1%/tháng. Tại phiên tòa T thừa nhận H chỉ lấy lãi suất 1%/tháng, tại cơ quan điều tra do T nhớ nhầm nên khai sai.

**\* Vụ thứ 3: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Đặng Thị C, trú tại tổ 10 (nay là tổ 8), phường K, thành phố L.**

Để có tiền thanh toán các khoản vay nợ của người khác mà T đã vay trước đó, ngày 15/3/2019 T gọi điện cho chị Đặng Thị C (là đồng nghiệp của mẹ T) và nói dối là cần tiền để đáo nợ Ngân hàng. T đặt vấn đề vay của chị C 800.000.000đ (*tám trăm triệu đồng*) và hẹn sau mấy ngày sẽ trả cả tiền gốc và tiền lãi nhưng chị C không đồng ý.

Ngày 18/3/2019, T tiếp tục gọi điện cho chị C để hỏi vay tiền và nói với chị C là sẽ để lại bìa đồ của gia đình T cho chị C giữ làm tin. Do tin tưởng là thật nên chị C đã đồng ý và nói chỉ cho vay 600.000.000đ với điều kiện khi đến vay cả hai vợ chồng T phải cùng ký và hẹn sáng ngày hôm sau sẽ cho vay.

Sáng ngày 19/3/2019 chị C gọi điện cho T nói đã có tiền và bảo T đầu giờ chiều qua nhà lấy tiền. Khoảng 13 giờ ngày 19/3/2019, T cầm theo 01 bìa đồ giả cùng 01 sổ hộ khẩu photo đến chị C. Lúc này chỉ có một mình chị C ở nhà, T nói chồng T phải ở nhà trông con, khi nào viết giấy vay tiền xong thì chị C qua nhà T cho chồng T ký, chị C đồng ý. Sau đó T đưa bìa đồ giả và sổ hộ khẩu photo cho chị C xem và giữ để làm tin. Đồng thời T viết một giấy vay tiền mặt thể hiện nội dung “*ngày 19/3/2019 Ngô Huyền T vay bà Đặng Thị C 600.000.000đ, hẹn đến ngày 25/3/2019 sẽ H1 trả*” rồi nhận 600.000.000đ của chị C. Sau khi vay được tiền, T gọi điện thoại cho Đặng Minh D bảo tí nữa ra ngoài đường ký giấy vay tiền cho chị C để chị C còn đi làm, D đồng ý. Sau đó T dẫn chị C đi về nhà ở số nhà 084, đường Mạc Đăng Dung, tổ 25, phường Bắc Cường, thành phố L để D ký vào mục “*người vay*” trong giấy vay tiền trên. Số tiền chiếm đoạt được của chị C, T sử dụng trả nợ cho chị Tô Thị Thanh V 400.000.000đ, số tiền còn lại T trả nợ và chi tiêu như thế nào đến nay T không nhớ.

Về lãi suất thỏa thuận: T khai chị C cho vay với lãi suất 7000đ/triệu/ngày và lấy luôn tiền lãi của 7 ngày vay là 29.400.000đ, nên khi vay T chỉ nhận được 570.600.000đ. Quá trình điều tra chị C khai T chỉ hứa hẹn sẽ trả lãi chứ không nói cụ thể là bao nhiêu và đã giao đủ 600.000.000đ cho T. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất xong Ngô Huyền T và Đặng Thị C đều giữ nguyên lời khai của mình. Tại phiên tòa T khai T nhớ nhầm nên đã khai như trên, thực tế giữa T và chị C chưa nói cụ thể lãi suất là bao nhiêu và T cũng chưa trả lãi cho chị C.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị Đặng Thị C yêu cầu Ngô Huyền T và Đặng Minh D phải liên đới H1 trả lại cho chị số tiền 600.000.000đ và đề nghị xử lý T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định:

- 01 Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: CM 863945 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/3/2018 cho Đặng Minh D và Ngô Huyền T, địa chỉ: Tổ 2, phường K, TP Lào Cai. Số vào sổ cấp GCN: CS 03743 - Tài liệu được ký hiệu A3.

- 01 Giấy vay tiền mặt viết tay trên giấy trắng khổ giấy A4 ghi ngày 19/03/2019, thể hiện nội dung Ngô Huyền T vay 600.000.000đ của Đặng Thị C - Tài liệu được ký hiệu A17.

*Kết quả giám định:*

- Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A3) là giả;

- Hình dấu tròn của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên tài liệu ký hiệu A3 với hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không có cùng nội dung. Hình dấu tròn trên tài liệu ký hiệu A3 không được đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu mang tên Phạm Văn H trên tài liệu ký hiệu A3 không phải là dấu đóng trực tiếp mà được in bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Phạm Văn H dưới mục “SỞ TÀI NGUYÊN.... GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH LÀO CAI” trên tài liệu ký hiệu A3 là chữ ký trực tiếp. Chữ ký trên tài liệu ký hiệu A3 với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Minh D trên tài liệu ký hiệu A17 với chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Minh D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T trên tài liệu ký hiệu A17 với chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Huyền T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M7 do cùng một người ký và viết ra.

**\* Vụ thứ 4: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Lê Mạnh T, trú tại tổ 2, phường K, thành phố L.**

Do tin tưởng T có nguồn nhập điện thoại di động của các hãng với giá rẻ hơn thị trường nên từ khoảng cuối năm 2017 đến ngày 14/3/2019 anh Tín đã nhiều lần chuyển tiền đặt cọc cho T để đặt mua điện thoại di động, trong đó có lô hàng khi đặt cọc tiền hai bên có xác lập giấy tờ biên nhận tiền đặt cọc, có những lô thì không xác lập giấy tờ gì. Khi Tín hỏi về chính sách khi giao hàng chậm, T nói dối công ty sẽ áp giá bù cho khách hàng rồi tự bỏ tiền ra để trả lại cho Tín 02 lần: Lần 1, T nói dối là công ty bù giá 200.000 đồng/chiếc điện thoại giao chậm và sẽ trả cho Tín 83.000.000đ, yêu cầu Tín cho lại T 20.000.000đ, Tín đồng ý, sau đó T tự bỏ tiền ra trả cho Tín 63.000.000đ; Lần 2, vào đầu năm 2019 T nói dối là công ty bù giá 100.000đ/chiếc điện thoại giao chậm và Tín được 60.000.000đ, sau đó T tự bỏ tiền ra để đưa cho Tín số tiền này. Do đó Tín càng



tin tưởng và tiếp tục chuyển tiền đặt cọc mua điện thoại di động của T. Bằng thủ đoạn nêu trên, trong thời gian từ ngày 08/6/2018 đến ngày 14/3/2019 Lê Mạnh T đã chuyển tiền bằng nhiều hình thức (chuyển khoản vào tài khoản của T, đưa tiền mặt) tổng số tiền khoảng 36 tỷ đồng để mua khoảng 20.000 chiếc điện thoại di động các loại, T đã trả trên 18.000 chiếc điện thoại (do T và anh Tín không lập sổ sách theo dõi và không giao nộp được các chứng từ đặt cọc nên không đủ căn cứ xác định chính xác số tiền đặt cọc và tổng số điện thoại di động mà anh Tín đã đặt mua). Hiện Ngô Huyền T còn nợ số tiền đã nhận đặt cọc của anh Tín là 7.295.040.000đ/3.836 chiếc điện thoại di động. Số tiền này T dùng để trả bớt nợ đối với các khoản vay, một phần dùng để đặt mua hàng thanh toán cho các đơn cũ chưa thanh toán. Cụ thể thanh toán nợ cho những ai, thanh toán cho những đơn hàng nào T không nhớ.

Tại phiên tòa anh Lê Mạnh T yêu cầu Ngô Huyền T và Đặng Minh D phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh số tiền 7.295.040.000đ. Theo anh Tín, Đặng Minh D H1 toàn biết việc Ngô Huyền T lừa đảo để chiếm đoạt tiền đặt cọc của anh. Vì trong các lần anh Tín đặt cọc tiền mua điện thoại, có một lần Đặng Minh D là người ký nhận vào Giấy biên nhận tiền đặt cọc với số tiền đặt cọc là 2.609.500.000đ vào ngày 01/3/2019. Vì vậy, anh Tín đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của Đặng Minh D đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**\* Vụ thứ 5: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Trọng H1, trú tại thôn Tân Lợi, xã X, huyện B, Lào Cai**

Do tin tưởng T có nguồn hàng giá rẻ hơn giá niêm yết nên anh H1 đã nhiều lần chuyển tiền (bằng nhiều hình thức: chuyển khoản, đưa tiền mặt) đặt cọc mua điện thoại di động hoặc mua hàng có sẵn (hàng sổi) của T. Từ ngày 01/3/2018 đến ngày 04/3/2019 anh H1 đã đặt cọc khoảng 40.656.880.000đ để mua trên 19.000 chiếc điện thoại di động các loại. T đã nhập hàng và thanh toán cho anh H1 khoảng 14.000 chiếc điện thoại với số tiền khoảng 34.744.230.000đ. Ngoài ra, trong thời gian từ 14/01/2019 đến ngày 27/02/2019 anh H1 chuyển nhờ Ngô Huyền T bán hộ 583 chiếc điện thoại các loại, trị giá 1.465.580.000đ. T trình bày đã bán hộ số điện thoại trên nhưng chưa chuyển tiền cho H1 vì T và H1 thỏa thuận số tiền đó H1 dùng đặt mua các lô điện thoại di động tiếp theo.

Như vậy, tổng số tiền Ngô Huyền T đã nhận đặt cọc nhưng chưa trả điện thoại cho H1 là 5.912.650.000đ/5.641 điện thoại. Số tiền này T dùng để trả bớt nợ các khoản vay, một phần dùng để đặt mua hàng thanh toán cho các đơn cũ chưa thanh toán. Cụ thể thanh toán nợ cho những ai, thanh toán cho những đơn hàng nào Ngô Huyền T không nhớ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Nguyễn Trọng H1 yêu cầu Ngô Huyền T trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 5.912.650.000đ (*năm tỷ chín trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

**\* Vụ thứ 6: Lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Vũ Minh H, trú tại Tổ 2, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai**

Vợ chồng anh Vũ Minh H và Hà Thị T mở cửa hàng kinh doanh điện thoại di động tại tổ 2, phường K, thành phố L, gần nhà bố mẹ chồng của Ngô Huyền T. Trong thời gian từ 19/7/2018 đến ngày 21/01/2019, vợ chồng anh H đã đặt mua của T 13 lô điện thoại di động của các hãng Samsung, Oppo và Xiaomi. Với phương thức, thủ đoạn bù tiền để nhập hàng nhằm tạo lòng tin như đã nêu trên, Ngô Huyền T đã trả cho vợ chồng anh H được 07 lô điện thoại; 03 lô chỉ trả được một phần (còn nợ lại 624.800.000đ/3 lô điện thoại); 03 lô điện thoại trị giá 1.390.600.000đ T chưa có điện thoại để trả. Tổng số tiền T chiếm đoạt của vợ chồng anh Vũ Minh H là 2.015.400.000đ (*Hai tỷ không trăm mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*). Số tiền này T dùng để trả nợ các khoản vay, một phần dùng để đặt mua hàng thanh toán cho các đơn cũ chưa thanh toán. Cụ thể thanh toán nợ cho những ai, thanh toán cho những đơn hàng nào T không nhớ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Vũ Minh H yêu cầu Ngô Huyền T phải trả lại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 2.015.400.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Ngô Huyền T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Huyền T tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Ngô Huyền T phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu H số tiền 1.545.900.000đ (*Một tỷ năm trăm bốn lăm triệu chín trăm nghìn đồng*); bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H1 số tiền 5.912.650.000đ (*Năm tỷ chín trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); bồi thường cho anh Vũ Minh H số tiền 2.015.400.000đ (*Hai tỷ không trăm mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*); bồi thường cho anh Lê Mạnh T 4.685.540.000đ (*Bốn tỷ sáu trăm tám lăm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Ngô Huyền T và anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường cho anh Phùng Văn H số tiền 1.050.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*). Cụ thể bị cáo Ngô Huyền T có trách nhiệm bồi thường 525.000.000đ (*Năm trăm hai lăm triệu đồng*), anh Đặng Minh D có trách nhiệm bồi thường 525.000.000đ (*Năm trăm hai lăm triệu đồng*).

Buộc bị cáo Ngô Huyền T và anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường cho chị Đặng Thị C số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*). Cụ thể bị cáo Ngô Huyền T có trách nhiệm bồi thường 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), anh

Đặng Minh D có trách nhiệm bồi thường 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*).

Buộc bị cáo Ngô Huyền T và anh Đặng Minh D phải liên đới bồi thường cho anh Lê Mạnh T số tiền 2.609.500.000đ (*Hai tỷ sáu trăm linh chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Cụ thể bị cáo Ngô Huyền T có trách nhiệm bồi thường 1.304.750.000đ (*Một tỷ ba trăm linh tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), anh Đặng Minh D có trách nhiệm bồi thường 1.304.750.000đ (*Một tỷ ba trăm linh tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/8/2020, bị hại Lê Mạnh T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì bỏ lọt tội đối với bị cáo Ngô Huyền T và lọt người phạm tội đối với Đặng Minh D.

Ngày 06/8/2020, bị hại Phùng Văn H có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng làm rõ hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo Ngô Huyền T và xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đặng Minh D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Mạnh T giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Quá trình điều tra vụ án anh đã nộp tài liệu cho Cơ quan điều tra để làm rõ hành vi của Đặng Minh D nhưng Cơ quan điều tra không lập biên bản thu giữ và nay không có trong hồ sơ; trong đó có 03 tài liệu về Imei thể hiện việc độc quyền của hãng Thế giới di động về chuyển hàng trong nội bộ công ty mà chỉ có D mới làm được. Cơ quan điều tra đã không làm rõ những tài liệu này nên có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Đặng Minh D. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

Anh Phùng Văn H nộp bổ sung nội dung kháng cáo và cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đối với Ngô Huyền T và bỏ lọt đồng phạm đối với Đặng Minh D. Do các tài sản đều đã bị hai vợ chồng T, D bán trước khi đem giấy tờ giả đó thế chấp cho anh để chiếm đoạt tiền. Không kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với T. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận:

Về tố tụng: Kháng cáo của cả hai bị hại đều làm trong hạn luật định nên cần được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị hại tại phiên tòa thấy nội dung kháng cáo về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đã được Cáo trạng và nội dung bản án sơ thẩm đề cập nhưng không được xem xét, xử lý. Thực tế Ngô Huyền T đã sử dụng các loại giấy tờ giả do T đã thuê làm để thực

hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác (Bị cáo sử dụng nhiều loại giấy tờ giả, lừa đảo nhiều người bị hại, chiếm đoạt nhiều tài sản giá trị lớn). Đây là một tội ghép quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm không xử lý là vi phạm khoản 2 Điều 170 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 dẫn đến bỏ lọt tội phạm (đã được hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao).

Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến Đặng Minh D: Tuy bị cáo Ngô Huyền T nhận hết trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, nhưng qua các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay đủ căn cứ xác định D có hành vi gian dối trong việc cùng T lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Đặng Minh D đã dùng thủ đoạn gian dối (đưa ra những thông tin không có thật) để anh Lê Mạnh T tin tưởng chuyển tiền rồi chiếm đoạt. Hành vi của Đặng Minh D đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm đối với Đặng Minh D. Kháng cáo của anh Lê Mạnh T và anh Phùng Văn H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai để điều tra lại vụ án.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Huyền T lập luận đồng ý với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc hủy bản án sơ thẩm làm rõ về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Không có ý kiến gì về việc điều tra làm rõ đối với Đặng Minh D.

- Luật sư Phạm Xuân Nga bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lê Mạnh T cho rằng: Cấp sơ thẩm đã bỏ lọt hành vi sử dụng tài liệu giả đối với T; bỏ lọt tội phạm đối với Đặng Minh D vì hành vi của D gian dối lừa đảo chiếm đoạt của anh Tín số tiền 2.609.500.000 đồng cùng với T là bao che cho tội phạm, vì chính D là người chủ động gọi điện cho anh Tín, gặp anh Tín để đưa thông tin có hàng bán, thúc giục anh Tín chuyển tiền vào tài khoản của D và tài khoản của chị Nguyễn Thị Kim Oanh do D cung cấp rồi sau đó chiếm đoạt toàn bộ số tiền. Ngoài ra, T còn lừa đảo và cầm của anh Tín số tiền trên 5 tỷ đồng trước đó. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại thêm tội danh đối với Ngô Huyền T và xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đặng Minh D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị hại Lê Mạnh T và Phùng Văn H trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Đối

với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị kháng cáo là anh Đặng Minh D, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định. Đối với bị cáo Ngô Huyền T đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập; bị cáo có đề nghị được xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị của bị cáo là H1 toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bị cáo Ngô Huyền T.

[2] Về nội dung: Bị cáo Ngô Huyền T không kháng cáo, bị cáo bị kháng cáo nhưng vắng mặt, có người bào chữa cho bị cáo có mặt để bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã xác định, theo đó: Chỉ trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến tháng 3 năm 2019, bằng các thủ đoạn gian dối như dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Giấy đăng ký xe ô tô giả để thế chấp vay tiền và giả mạo thông tin về việc có khả năng mua được điện thoại di động của các nhãn hàng với giá rẻ hơn thị trường, tạo cho một số người có niềm tin và đặt cọc tiền mua điện thoại cho bị cáo với số tiền lớn, bị cáo Ngô Huyền T đã chiếm đoạt tiền của 06 bị hại, cụ thể: Chiếm đoạt của anh Phùng Văn H số tiền 1.050.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*); anh Nguyễn Hữu H số tiền 1.545.900.000đ (*Một tỷ năm trăm bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng*); bà Đặng Thị C số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*); anh Lê Mạnh T số tiền 7.295.040.000đ (*Bảy tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*); anh Nguyễn Trọng H1 số tiền 5.912.650.000đ (*Năm tỷ chín trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); anh Vũ Minh H số tiền 2.015.400.000đ (*Hai tỷ không trăm mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 18.418.990.000đ (*Mười tám tỷ bốn trăm mười tám triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Tuy nhiên, xét nội dung kháng cáo của bị hại Lê Mạnh T và Phùng Văn H về việc Đặng Minh D là chồng của bị cáo T có hành vi tham gia vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đặng Minh D và hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của Ngô Huyền T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tuy trong quá trình điều tra, Đặng Minh D và Ngô Huyền T đều khẳng định D không biết gì về việc T làm giả giấy tờ và sử dụng các giấy tờ giả để thế chấp vay tiền của các bị hại. Tại phiên tòa sơ thẩm, D vắng mặt không có lý do, còn bị cáo T khai nhận đã dùng zalo của D để mượn danh nghĩa của D nhắn tin trao đổi mua bán điện thoại với các bị hại và mượn tài khoản ngân hàng của D để nhận và chuyển tiền. T xác định cho rằng mình không nói cho D biết việc T đã đưa ra thông tin giả mạo để các bị hại tin rằng T có khả năng mua được điện thoại với giá rẻ hơn thị trường, nhằm chiếm đoạt số tiền đặt cọc mua điện thoại của các bị hại và T xác nhận có một số lần D gọi điện giục các bị hại chuyển tiền là do T nhờ D gọi; xác nhận việc ngày 01/3/2019, T nhờ D viết giấy biên nhận tiền đặt cọc với anh Lê Mạnh T vì lúc đó T sắp sinh con, sức khỏe yếu không thể ngồi dậy viết giấy.

Nhưng tại lời khai của Đặng Minh D vào các ngày 28/3, 29/3 và 31/3/2019 D khai nhiều lần ký các giấy vay tiền nhiều người có thể chấp qua Cơ quan công chứng bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy đăng ký 02 chiếc xe ô tô đều là giả do vợ chồng D, T đứng tên mới mua ngay trước đó vào đầu tháng 01/2019 nhưng không quan tâm đến việc vay, trả tiền và nhận lại giấy tờ nhà, đất và giấy tờ xe ô tô như thế nào. Hậu quả bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là anh Phùng Văn H, chị Đặng Thị C một số tiền tương đối lớn.

Thực tế tại lời khai ngày 17/5/2019 D thừa nhận có dùng số điện thoại của mình đăng ký và sử dụng từ năm 2017, có đăng ký Zalo tên D để gọi điện cho anh Tín có nội dung giục anh Tín chuyển tiền. Lời khai ngày 28/5/2019 D thừa nhận có gọi điện thoại cho anh H1 nhiều lần, khi H1 nhắn tin thì D thông báo cho T để T liên lạc lại với H1. Lời khai này của D phù hợp với lời khai của anh Tín, anh H1 và “Biên bản đối chất” ngày 24/7/2019. Sau khi gọi điện và nhắn tin cho anh Tín thì thực tế nhiều lần anh Tín đã chuyển trên 03 tỷ đồng vào tài khoản của D tại Ngân hàng Techcombank; chuyển tiền vào tài khoản của đối tượng Oanh. Ngoài ra, ngày 01/3/2019 D còn trực tiếp ký biên nhận tiền để bán các loại điện thoại cho anh Tín số tiền trên 2,6 tỷ đồng nhưng sau đó vợ chồng D chiếm đoạt luôn. Thông qua điện thoại và Zalo của D, vợ chồng T, D đã nhận và chiếm đoạt của anh H1 trên 3,9 tỷ đồng. Các số tiền này đều bắt nguồn từ giao dịch thông qua số điện thoại và Zalo của D, khi có tin nhắn Zalo thì điện thoại đều báo có tin nhắn trên máy của D.

Như vậy, tuy D và T khai D cho T mượn tài khoản Zalo, T nhờ D gọi điện thoại cho một số bị hại nhưng D không quan tâm, không biết T sử dụng vào mục đích gì là không có căn cứ để chấp nhận, hậu quả là D có biết việc T dùng Zalo của mình dưới danh nghĩa nhân viên hãng Thế giới di động để lừa đảo nhiều người với số tiền lớn. Thực tế anh Tín đã chuyển số tiền lớn vào tài khoản của D dẫn đến hai vợ chồng T, D đã chiếm đoạt của anh Tín số tiền này. Qua các tài liệu in từ tin nhắn Zalo có trong hồ sơ thấy việc D đã tạo được lòng tin với anh

Tín bằng cách D thường xuyên chụp ảnh D cùng đồng nghiệp tại Công ty cổ phần Thế giới di động cùng các kiện hàng, lớn nhỏ bên cạnh, lệnh điều động hàng trong nội bộ hệ thống... để tạo lòng tin với anh Tín là công ty luôn có rất nhiều mặt hàng và cũng đang vận chuyển hàng cho các đối tác khác.

[4] Hơn nữa, trong thời gian ngắn từ tháng 01/2019 đến cuối tháng 3/2019, D còn thường xuyên trao đổi và gửi những hình ảnh thông tin nội bộ của Công ty cổ phần Thế giới di động (nơi D đang làm việc) và thông báo Công ty thường có chính sách bán hàng cho các doanh nghiệp để làm quà tặng cho công nhân và sẽ giúp anh Tín mua được những loại điện thoại này, để tạo lòng tin D đã giới thiệu với anh Tín chị Nguyễn Thị Kim Oanh là nhân viên thu ngân của Công ty cổ phần Thế giới di động nơi D làm việc và yêu cầu anh Tín chuyển tiền vào tài khoản của chị Oanh (là người thu ngân của công ty).

Mặt khác trong hồ sơ vụ án thể hiện các lời khai của Đặng Minh D vào các ngày 27,28 và 29/3/2019 D đều xác nhận việc biết các tài sản là nhà đất, 02 chiếc xe ô tô của vợ chồng đã thế chấp thông qua hợp đồng được công chứng nhưng sau đó vẫn có giấy tờ sở hữu để thế chấp tiếp cho người khác để vay tiền; D thừa nhận việc gọi điện thoại và sử dụng mạng zalo để liên hệ với một số bị hại trong vụ án. Như vậy, Đặng Minh D đã dùng thủ đoạn gian dối (đưa ra những thông tin không có thật) để các bị hại tin tưởng chuyển tiền rồi chiếm đoạt. Hành vi của Đặng Minh D đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự cùng với Ngô Huyền T.

Ngoài ra, tại nhiều lời khai T đều thừa nhận do nợ nhiều người nên đã đưa ra thông tin giả để chiếm đoạt tiền của các bị hại trong vụ án này để lấy tiền của người sau thanh toán lãi, gốc và mua trả hàng cho người trước, cho khoản giao dịch trước đó; trong số tiền này có khoản T dùng để mua 02 xe ô tô đứng tên vợ chồng T và sau đó làm giả giấy tờ nhà, đất và giấy tờ cả 02 chiếc xe đó để cùng D ký các giấy tờ này và đã chiếm đoạt tiền của các bị hại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ và khởi tố đối với Ngô Huyền T về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự và làm rõ trách nhiệm của Đặng Minh D đối với các “khoản vay” của anh H, của bà C và các “khoản vay khác” là có căn cứ và cần thiết nhưng không được cơ quan truy tố và điều tra chấp nhận. Do đó, dẫn đến bỏ lọt tội phạm và đồng phạm như đã nhận định trên.

Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của anh Phùng Văn H, anh Lê Mạnh T và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai để điều tra lại theo quy định.

[5] Án phí: Bị hại anh Phùng Văn H, anh Lê Mạnh T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị hại anh Phùng Văn H và anh Lê Mạnh T. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai để điều tra lại.

2. Về án phí: Bị hại anh Phùng Văn H và anh Lê Mạnh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo T (theo đ/c);
- Bị hại (theo đ/c);
- Người có QLNVLQ (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Vũ Đông**